

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS - ST
Ngày 04-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, giao dịch dân sự thực
hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trầm.

Ông Nguyễn Văn Y.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, giao dịch dân sự thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Kiều Đăng Q, sinh năm 1974

Cư trú tại: Ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lương Ngọc Vũ D, cư trú tại ấp B, xã C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 19 tháng 11 năm 2025) (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (Có mặt).

2. Bà Mai Thị H, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Kiều Đăng Q trình bày:

Đầu năm 2023, ông Lê Văn T và bà Mai Thị H vay tiền của anh Kiều Đăng Q nhiều lần, cụ thể: Ngày 09/02/2023, ông Lê Văn T vay của anh Kiều Đăng Q số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 6%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 năm, tuy nhiên trên giấy nhận tiền thì đề đến ngày 19/4/2023 sẽ trả số nợ trên, hai bên có làm biên nhận nhận tiền. Ngày 19/12/2023, bà Mai Thị H vay của anh Kiều Đăng Q số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 năm, tuy nhiên trên giấy nhận tiền thì không đề ngày đến hạn trả số nợ trên, hai bên có làm biên nhận nhận tiền. Ngoài ra, anh Q có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, do hụi bị bể nên ngày 10/3/2025, bà H có viết giấy tổng kết nợ hụi lại cho anh Q số tiền là 86.750.000 đồng, hẹn đến ngày 10/4/2025 sẽ trả số tiền nợ hụi. Nhưng đến nay, ông T và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Anh Kiều Đăng Q khởi kiện ông Lê Văn T và bà Mai Thị H yêu cầu ông T và bà H trả cho anh Q số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng, nợ hụi là 86.750.000 đồng, tổng cộng là 286.750.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực.

Theo đơn tường trình ngày 10/01/2026 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T và bà Mai Thị H trình bày:

Ngày 19/01/2023, ông Lê Văn T vay của anh Kiều Đăng Q số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 19/02/2023, ông Lê Văn T vay tiếp của anh Kiều Đăng Q số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng, lãi suất là 6%/tháng, mỗi tháng ông T trả cho anh Q số tiền lãi là 12.000.000 đồng. Ông T trả lãi đến năm 2025 thì ngưng do làm ăn thất bại. Ngày 16/01/2023, anh Q có mua hụi và chơi hụi do bà H làm chủ. Do hụi bị bể nên bà H và anh Q tổng kết nợ hụi, bà H còn nợ lại anh Q số tiền nợ hụi là 86.750.000 đồng và bà H xin trả dần hàng tháng. Ông T và bà H thống nhất còn nợ lại anh Kiều Đăng Q số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng, nợ hụi là 86.750.000 đồng, tổng cộng là 286.750.000 đồng. Ông T và bà H đồng ý trả cho anh Q số tiền 286.750.000 đồng. Do hoàn cảnh hiện đang khó khăn, ông T và bà H xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 6.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 02/2026 cho đến khi hết số nợ 286.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hội đồng xét xử xác định lại: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn anh Kiều Đăng Q và bị đơn ông Lê Văn T, bà Mai Thị H là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và giao dịch dân sự thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Mai Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Đăng Q: Căn cứ vào giấy nhận tiền đề ngày 09/02/2023 và giấy nhận tiền đề ngày 19/12/2023, giấy tiền thiếu đề ngày 10/3/2025 thể hiện nội dung: Ông Lê Văn T và bà Mai Thị H có vay của anh Kiều Đăng Q tổng số tiền là 200.000.000 đồng và nợ hui tổng số tiền là 86.750.000 đồng. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Lương Ngọc Vũ D và bị đơn ông Lê Văn T, bà Mai Thị H thống nhất được các vấn đề như sau: Ông Lê Văn T và bà Mai Thị H còn nợ lại anh Kiều Đăng Q tổng số tiền là 286.750.000 đồng; Ông T và bà H đồng ý trả cho anh Q số tiền là 286.750.000 đồng; Hai bên không tranh chấp về hợp đồng vay và hợp đồng góp hui, về tiền lãi. Tuy nhiên, chị D là người đại diện theo uỷ quyền của anh Q và ông T, bà H không thống nhất được phương thức trả tiền.

[4] Xét thấy, ông Lê Văn T và bà Mai Thị H chưa trả số tiền 286.750.000 đồng cho anh Kiều Đăng Q là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, anh Kiều Đăng Q khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T và bà Mai Thị H trả số tiền 286.750.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Về phương thức trả tiền, các đương sự có quyền tự thoả thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Đăng Q, buộc bị đơn ông Lê Văn T và bà Mai Thị H trả cho anh Kiều Đăng Q số tiền là 286.750.000 đồng.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị H là người cao tuổi và bà có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào các Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kiều Đăng Q.

1. Buộc bị đơn ông Lê Văn T và bà Mai Thị H trả cho anh Kiều Đăng Q số tiền là 286.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Mai Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.168.750 đồng.

Hoàn lại anh Kiều Đăng Q số tiền tạm ứng án phí là 7.169.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010650 ngày 16/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Mai Thị H không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Kim Hằng